

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 7193/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh xin ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, ấp, khu phố

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, ấp, khu phố theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT). Áp dụng cho các xã thuộc kế hoạch phân đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 500 ngàn đồng/hộ gia đình; 50 triệu đồng/công trình ấp, khu phố theo mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân, tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 10% tổng kinh phí thực hiện. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/mô hình, dự án.

3. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

a) Nội dung hỗ trợ: nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: tổ chức, cá nhân đóng góp 50%, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 10% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án.

4. Chi triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: tổ chức, cá nhân đóng góp 50%, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 10% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

5. Chi đẩy mạnh sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị

a) Nội dung hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ, tính chất của từng dự án, mô hình, phương án, kế hoạch và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Mức hỗ trợ: tổ chức, cá nhân đóng góp 50%, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 10% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án, mô hình, phương án, kế hoạch.

6. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương theo quy định tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 và văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: tổ chức, cá nhân đóng góp 50%, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 10% tổng kinh phí hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 1.000 triệu đồng/mô hình.

7. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung hỗ trợ cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; 30% còn lại từ các nguồn vốn huy động, đóng góp hợp pháp khác. Mức hỗ trợ tối đa 200 triệu đồng/dự án.

b) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (xây dựng thí điểm một số mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình: du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch gắn với di tích lịch sử, văn hóa).

Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/mô hình.

8. Chi thực hiện các đề án, kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn phát sinh

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ tổ chức thực hiện đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thí điểm và hỗ trợ nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh và xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện mô hình phân loại rác tại nguồn phát sinh theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện đề án, kế hoạch, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ theo thực tế phát sinh dựa vào đề án, kế hoạch, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 100 triệu đồng/đề án, kế hoạch, mô hình.

9. Chi thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ theo thực tế phát sinh dựa vào mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 50 triệu đồng/mô hình.

10. Chi đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

a) Nội dung hỗ trợ: đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án.

11. Chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình xóm, ấp sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình xóm, ấp sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn (có hệ thống điện chiếu sáng dọc các tuyến đường; đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường; đảm bảo 3 sạch; hàng rào xanh; cảnh quan xanh mát, sạch đẹp; không gian phù hợp với truyền thống văn hoá địa phương).

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/mô hình, dự án.

12. Chi thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một số mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ theo thực tế phát sinh dựa vào mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 100 triệu đồng/mô hình.

13. Chi thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 30%; ngân sách cấp huyện hỗ trợ 20% tổng kinh phí thực hiện theo thực tế phát sinh dựa vào mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tối đa 200 triệu đồng/mô hình, dự án.

14. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo quy định tại Hướng dẫn số 466-HD/HNNDTƯ ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Hội nông dân Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung thành phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40% tổng kinh phí được phê duyệt; tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

15. Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ thành lập, duy trì sinh hoạt và nhân rộng mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại cấp tỉnh; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40% tổng kinh phí được phê duyệt; tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

16. Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Nội dung cụ thể xây dựng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40% tổng kinh phí được phê duyệt; tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

17. Chi tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ xây dựng, củng cố, duy trì, sơ kết, tổng kết nhân rộng mô hình, điển hình về đảm bảo an ninh, trật tự xây dựng nông thôn mới.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 50% tổng kinh phí được phê duyệt; tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

18. Chi nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng

a) Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng.

b) Mức hỗ trợ: ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 40% tổng kinh phí được phê duyệt; tối đa 30 triệu đồng/mô hình.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp do Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương đối ứng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

3. Nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh và nguồn đóng góp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản mới.
4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre quy định một số nội dung chi và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Các sở, ngành: TC, TP, KHĐT, NNPTNN, VHTTDL, TNMT, TTTT, Công an tỉnh, KBNN tỉnh;
- Văn phòng: ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Thị Hoàng Yến